

MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT TIÊU THỤ TRÁI CÂY TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ VÂN*
ĐỖ LÝ HOÀI TÂN**

Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức lớn trong việc nâng cao vị thế của mình trên thị trường trái cây thế giới trước sự cạnh tranh quyết liệt của các quốc gia khác. Vì vậy, việc tìm hiểu kinh nghiệm về các mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây hiệu quả từ các quốc gia khác là một việc làm hết sức cần thiết. Bài viết này phân tích các mô hình cụ thể tại Chile, Nhật Bản, Thái Lan, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm, tìm ra những giải pháp phù hợp cho sự phát triển ngành hàng trái cây của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây, Chile, Nhật Bản, Thái Lan

Nhận bài ngày: 20/7/2017; đưa vào biên tập: 25/7/2017; phản biện: 31/7/2017; duyệt đăng: 15/11/2017

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với điều kiện địa lý và khí hậu thuận lợi, Việt Nam sở hữu tiềm năng rất lớn trong việc phát triển các loại cây nhiệt đới và sản xuất nhiều loại sản phẩm mang tính đặc trưng riêng nhằm phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Hiện nay các sản phẩm trái cây Việt Nam đang được xuất khẩu sang hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó có nhiều loại trái cây đặc

sản như thanh long, vải, nhãn, xoài... đã được xuất khẩu với tổng kim ngạch tăng vượt bậc từ mức 56,1 triệu USD trong năm 1995 lên hơn 1,57 tỷ USD trong năm 2016 (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2012; Hồng Vũ 2016).

Tuy nhiên, quá trình sản xuất và tiêu thụ trái cây của nước ta vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế. Sản lượng trái cây tuy tăng nhanh nhưng chưa thật sự khai thác hết tiềm năng thực tế; nhiều sản phẩm trái cây xuất khẩu

*,** Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

chưa đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt của các nước trên thế giới; các ngành liên quan đến dịch vụ hậu cần cho sản xuất và tiêu thụ trái cây vẫn còn yếu. Ngoài ra, xu thế toàn cầu hóa tuy mở ra cơ hội cho hoạt động xuất khẩu nhưng đồng thời cũng dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt từ các quốc gia khác, từ đó Việt Nam có thể mất dần thị trường xuất khẩu trái cây ở nhiều quốc gia nếu không đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Trước những thách thức đó, việc tìm hiểu một số mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây đã và đang thực hiện thành công trên thế giới có thể đem lại những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

2. PHÂN TÍCH MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRÁI CÂY TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây của Chile

Ngay từ thập niên 1970, sản xuất và xuất khẩu trái cây đã giữ một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của Chile. Trong đó, sản xuất dâu rừng được xem là một đặc sản đặc trưng và đem lại lợi nhuận lớn và ổn định cho doanh nghiệp và nông hộ sản xuất trái cây tại nước này. Đặc biệt, công việc sản xuất dâu rừng không đòi hỏi cường độ lao động quá cao, mùa vụ thu hoạch kéo dài (thông thường từ tháng 11 đến cuối tháng 4) và vốn đầu tư không cao khi so sánh với những loại trái cây khác, nên có thể giúp cho các nông hộ sản xuất nhỏ nhanh chóng hoàn vốn

và có thu nhập ổn định trong vòng 6 tháng/năm.

Cho đến nay, diện tích và số lượng nông hộ tham gia trồng và sản xuất dâu rừng tại Chile đang ngày càng tăng lên. Diện tích đất trồng dâu rừng tăng mạnh từ dưới 400ha lên mức 1780ha trong giai đoạn 1980-1990 (Fundacion Chile 2001). Số lượng nhà sản xuất nội địa cũng ngày càng nhiều từ khoảng 270 nhà trong năm 1988 lên khoảng 2.830 nhà trong năm 1997, diện tích đất trồng tiếp tục tăng và chạm mức 6.530ha cùng năm (INE 1997). Đến năm 2007, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Chile thì hiện có khoảng 7.080 nông trại tham gia vào sản xuất dâu rừng và khoảng 630 nông trại đang thực hiện chuyển giống cây trồng sang dâu rừng (INE 2007). Điều này góp phần không nhỏ vào sự lớn mạnh của thị trường dâu rừng Chile và đẩy mạnh xuất khẩu trái cây của Chile ra nước ngoài. Cụ thể, năm 1990 xuất khẩu dâu rừng đạt mức 2.500 tấn, chủ yếu ở thị trường Hoa Kỳ. Đến năm 2005, xuất khẩu dâu rừng tươi đạt mức 5.231 tấn và thị trường xuất khẩu dâu rừng của Chile tiếp tục được mở rộng sang các nước khác như Đức, Vương quốc Anh, Hà Lan và Pháp (INE 2007).

Áp lực cạnh tranh về chất lượng và sự khác biệt của thành phẩm, cũng như nhu cầu của người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm và sản xuất bền vững khiến cho các nhà bán lẻ phải nâng cao yêu cầu pháp lý để bảo vệ sức khỏe và an toàn của người tiêu

dùng. Vì vậy đối với các sản phẩm nông nghiệp nói chung, đặc biệt là các sản phẩm đặc sản, các siêu thị ngày càng kiểm soát đối với khâu cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng và khả năng cung ứng liên tục sản phẩm, đảm bảo tính truy nguyên cho các siêu thị. Cụ thể hơn, thị trường Mỹ đòi hỏi các quốc gia nhập khẩu phải tuân thủ các luật và quy định về an toàn thực phẩm hiện hành nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho các nhà bán lẻ và các nhà quản lý thực phẩm (Skogstad và Carruth 2006). Quy định về an toàn thực phẩm ở EU cũng hướng tới sức khỏe và an toàn công cộng, nhấn mạnh vào thông tin liên quan tới người tiêu dùng về sự bền vững về xã hội và môi trường của sản xuất thực phẩm (Konig 2006). Các tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm nông nghiệp ở hai thị trường này được thể hiện trong chương trình GAP (good agricultural practice - thực hành nông nghiệp tốt) và GlobalGAP (global good agricultural practice - Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu, trước đây là EUREP-GAP).

Trước những thách thức đó, để đứng vững trên hai thị trường lớn là Mỹ và EU, Chính phủ Chile đã thành lập chương trình ChileGAP và được GlobalGAP phê duyệt và công nhận trong năm 2008 bên cạnh chỉ tiêu GAP của Bộ Nông nghiệp (BPA: buenas practicas agricolas) được quản lý bởi SAP (systems, applications and products data in process) (The Chilean Agriculture and Livestock Service).

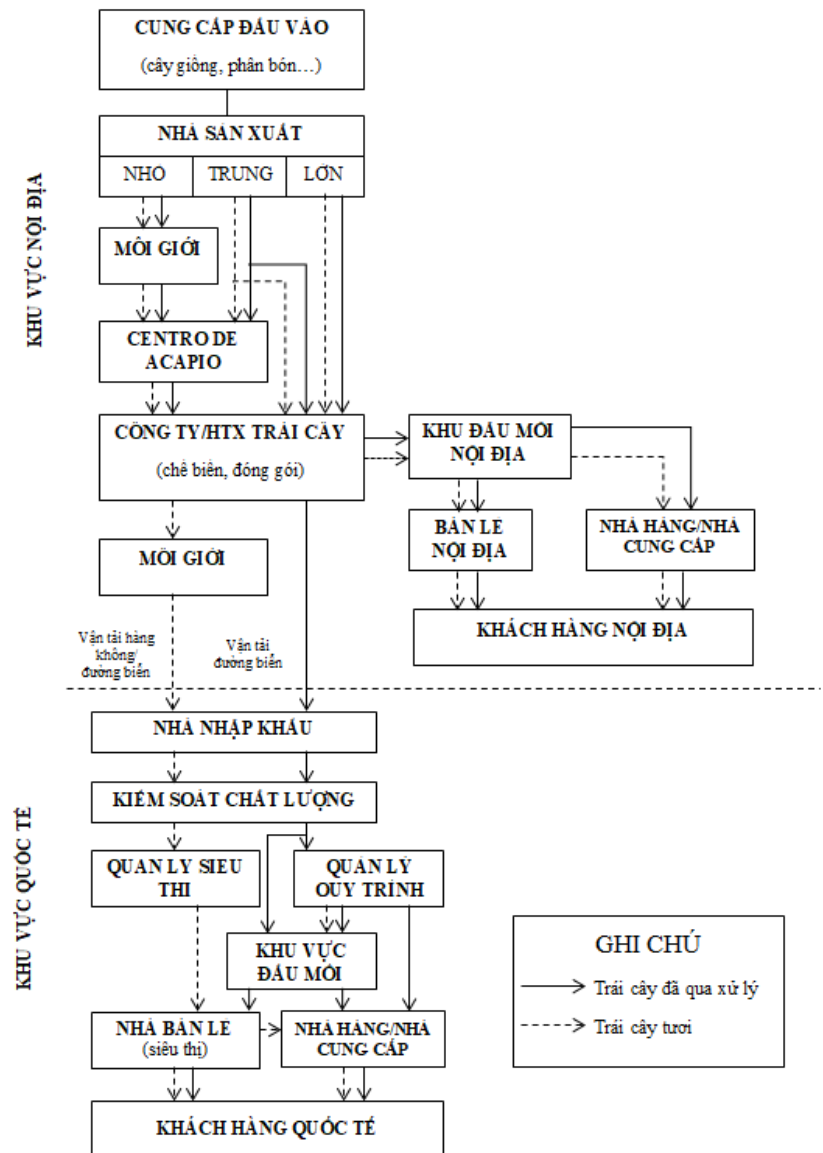
Quá trình sản xuất và tiêu thụ dâu rừng đặt dưới sự kiểm soát của Chính phủ Chile và có tầm ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nông hộ nội địa (Humphrey and Schmitz 2001). Nhằm đáp ứng được các tiêu chuẩn sản phẩm, các nông hộ sản xuất quy mô nhỏ nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật từ các chuyên gia và các cơ quan khuyến nông theo các dự án hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp Chile. Cụ thể hơn, kế hoạch quốc gia về cạnh tranh xuất khẩu dâu rừng được thực hiện gần đây nhằm hỗ trợ kỹ thuật thâm canh cho các doanh nghiệp, nông hộ có diện tích trồng trọt trên 0,5ha để tăng năng suất trồng trọt và sản xuất, từ đó tạo thành một "liên minh sản xuất" giữa doanh nghiệp và nông dân trồng trọt.

Đối với những nhà sản xuất (nông hộ) quy mô nhỏ hơn, những người không đáp ứng được các tiêu chí của kế hoạch quốc gia, cũng được hỗ trợ thông qua nhiều chương trình địa phương khác nhau được khởi xướng từ các văn phòng đại diện cấp vùng của Viện Phát triển Nông nghiệp (INDAP) hay chính quyền địa phương dưới sự hỗ trợ ngân sách và kỹ thuật từ INDAP. Ví dụ, các chương trình phát triển địa phương của INDAP (PRODESAL) hỗ trợ một số hộ nông dân nghèo trong việc phát triển năng lực sản xuất và thương mại; chương trình khuyến khích sản xuất quốc gia (PAMC) từ INDAP giúp đỡ các nông hộ đáp ứng được các tiêu chuẩn đánh giá BPA. Các tổ chức, hiệp hội cũng được thành lập để tạo ra nơi giao lưu,

chia sẻ kinh nghiệm canh tác cho người nông dân, giúp họ mở rộng mối quan hệ với nhiều đối tượng khác trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Chẳng hạn, các nông hộ có thể ký hợp đồng với các công ty cung cấp đầu vào nhằm khẳng định mối quan hệ kinh doanh chuyên nghiệp cũng như để nhận được sự tư vấn và hỗ trợ về kỹ thuật công nghệ từ các nhà cung cấp này trong quá trình sản xuất.

Công đoạn chế biến và đóng gói được xử lý thông qua nhiều giai đoạn khác nhau trước khi được đem đi tiêu thụ và xuất khẩu. Nhằm giúp cho công đoạn đóng gói trái cây được hiệu quả, trái cây từ nhà sản xuất ở cùng một khu vực, cụ thể ở đây là dâu rừng, sẽ được thu gom và tập hợp lại tại những trung tâm thu mua (centors de acopio) trước khi được đưa đi chế biến hoặc đóng hộp trái cây tươi. Các trung tâm thu mua thực hiện điều chỉnh giá mỗi ngày dựa trên giá các doanh nghiệp khách hàng (các công ty chế biến) sẽ trả và theo giá chào bán của những

Hình 1. Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây của Chile



Nguồn: Challies và Murray. 2011: 45.

trung tâm khác lân cận. Cơ cấu sở hữu của các trung tâm này cũng rất đa dạng, một số thuộc sở hữu trực tiếp từ các công ty sản xuất trái cây, một số lại thuộc sở hữu tư nhân mặc dù ít phổ biến hơn, hoặc thuộc sở hữu của các hiệp hội người trồng trọt. Nhìn chung, trái cây được chuyển đến trung tâm hàng ngày bởi các nhà sản xuất hoặc trung gian và sau đó được bán với số lượng lớn cho các công ty chế biến trước khi đem đi tiêu thụ tại

các khu vực đầu mối và xuất khẩu ra nước ngoài.

Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại Chile tiêu biểu cho chuỗi sản xuất khép kín từ đầu vào tới đầu ra của sản phẩm. Những chính sách đúng, thiết thực của Chính phủ cùng với hệ thống vận hành, quản lý của chính quyền các cấp tạo nên sự thành công của ngành hàng sản xuất và tiêu thụ trái cây tại Chile.

2.2. Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây của nông hộ quy mô nhỏ ở Nhật Bản

Nhật Bản từng là nước có tỉ lệ nông dân chiếm phần lớn dân số cả nước. Vào cuối thế kỷ XIX, có đến 80% dân số Nhật Bản chủ yếu sống bằng thu nhập từ nghề nông và trồng lúa nước (Bleed và Matsui 2010). Phương thức sản xuất nông nghiệp của Nhật Bản thời gian này chủ yếu ở quy mô nhỏ (khoảng 1ha đất trồng trọt) như một hệ quả của điều kiện khí hậu và đất đai tại nước này (địa hình nhiều đồi núi, thường xuyên có động đất và núi lửa phun trào).

Sau Chiến tranh thế giới thứ 2, người dân của Nhật Bản phải cùng nhau nỗ lực khôi phục đất nước. Việc phát triển công nghiệp được coi là nền tảng và trụ cột của nền kinh tế. Điều này phần nào khiến cho tỉ lệ nông dân và đất trồng trọt giảm dần và nông nghiệp chỉ còn đóng vai trò thứ yếu trong kinh tế của Nhật Bản. Mặc dù vậy, nông nghiệp vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống và văn hóa của người dân nước này, đặc biệt với

người dân ở khu vực nông thôn. Mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ đặc trưng vẫn được áp dụng rộng rãi như một phương thức sản xuất đơn giản, thành công và bền vững trong giai đoạn vừa qua (Naidoo 2013).

Về mặt hình mẫu, mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ của Nhật Bản dựa trên phương pháp sản xuất nông nghiệp đa canh, tức là trồng đa dạng nhiều loại nông sản, cây ăn quả trên một diện tích nhỏ, từ đó tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, cũng như phân tán rủi ro nếu mất mùa và trượt giá. Bên cạnh đó, do sản xuất với quy mô nhỏ nên việc đầu tư máy móc, trang thiết bị ở các nông hộ không lớn, chủ yếu họ đầu tư những loại máy móc có công suất vừa phải, máy xới, máy chuyên dụng... và mua giống cây trồng từ các nhà cung cấp đầu vào quen biết, có uy tín về tiêu chuẩn chất lượng. Điều này giúp tiết kiệm vốn đầu tư cho người nông dân và họ có thêm nguồn kinh phí để sử dụng cho các hoạt động khác.

Khác với quan điểm về một người nông dân truyền thống, người nông dân trong mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ của Nhật Bản có thể đảm nhiệm được nhiều công việc khác nhau. Bên cạnh một số công việc ngoài đồng, người nông dân cũng thực hiện gia công và chế biến thành phẩm ngay sau thu hoạch tại hộ gia đình. Vì vậy, bên cạnh các sản phẩm tươi sống truyền thống, họ còn có nhiều loại sản phẩm chế biến đa dạng

như trái cây khô, các loại bánh và món ăn... Các sản phẩm này sau đó sẽ được bày bán trực tiếp trên mạng hoặc tại các cửa hàng tiện lợi trong vùng. Nhờ vào sự tiến bộ và phổ cập của mạng internet hiện nay, nông dân có thể tiếp cận với khách hàng của mình để phản hồi ý kiến cũng như xử lý đơn hàng từ họ một cách dễ dàng, từ đó tạo mối quan hệ gần gũi và bền vững với khách hàng, đồng thời giúp quảng bá hình ảnh của nông trại.

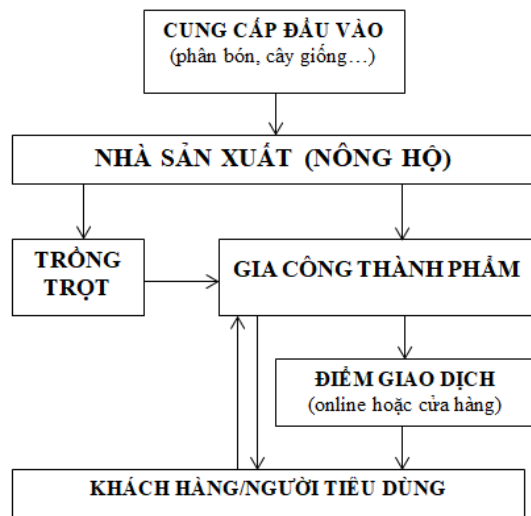
Tuy chiếm tỉ lệ dân số không cao (chỉ khoảng 5% dân số) nhưng tầm ảnh hưởng của cư dân nông thôn hay những người nông dân trong xã hội Nhật Bản hiện nay vẫn không hề bị suy giảm. Theo cơ chế bầu cử của Nhật Bản, thì 1 lá phiếu nông thôn có giá trị tương đương lần lượt là 3 và 6 phiếu bầu thành thị khi bầu cử thành viên Hạ viện và Thượng viện của Quốc hội (Việt Quân 2015). Có thể nói chính sách của quốc gia này đem lại nhiều lợi ích cho người nông dân, đặc biệt là các hộ nông dân quy mô nhỏ. Cuộc cải cách ruộng đất năm 1946 với việc phân phối lại đất đai để chấm dứt chế độ địa chủ, địa tô và đảm bảo đất canh tác cho chính người trực tiếp trồng trọt, đã tạo ra nhiều thay đổi trong nông nghiệp. Ngoài ra, chính phủ Nhật Bản đã điều chỉnh một số chính sách phù hợp và khuyến khích người nông dân áp dụng nhiều thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất nhằm tăng năng suất và hiệu quả sử dụng đất trong nông nghiệp.

Bên cạnh đó, để cải thiện điều kiện kinh tế cho hộ nông dân, chính quyền

Nhật Bản đã đưa ra nhiều chính sách đổi mới và bảo hộ trong nông nghiệp. Chẳng hạn, chuyển đổi hướng phát triển sản xuất từ tăng sản lượng lương thực theo cách truyền thống sang phát triển nông nghiệp trên cơ sở tăng hiệu quả kinh tế, bằng cách phát triển sản xuất có chọn lọc, chú trọng những sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ cao; đánh thuế nông nghiệp dựa trên hạng đất và giữ mức ổn định trong nhiều năm; can thiệp sâu vào việc kiểm soát cung cấp và mức giá giúp cho nhiều mặt hàng thực phẩm nông sản được duy trì ở mức cao; cho phép nông dân Nhật được nhận trợ cấp nhằm đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho cuộc sống. Theo số liệu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Quốc tế (OECD), nguồn trợ cấp của Chính phủ Nhật cho nông dân trong năm 2015 chỉ thấp hơn Na Uy (62%), Thụy Sĩ (63%) và đã chiếm 43% tổng thu nhập của toàn ngành nông nghiệp trong quốc gia này (OECD 2016). Ngoài ra, tầng lớp nông dân quy mô nhỏ còn được tham gia vào các hệ thống hợp tác xã và nông hội để tiêu thụ nông sản và được hỗ trợ các dịch vụ thiết yếu khi cần thiết như phúc lợi xã hội, tín dụng, bảo hiểm rủi ro cũng như nhận được sự tư vấn kỹ thuật từ các cán bộ, kỹ sư có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động nông nghiệp.

Mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ của Nhật Bản phù hợp cho phát triển kinh tế nông hộ trong điều kiện đất đai nhỏ lẻ, manh mún. Bên cạnh những chính sách của chính phủ và sự hỗ trợ của chính quyền các cấp,

Hình 2. Mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ của Nhật Bản



Nguồn: Nguyễn Thị Vân, Đỗ Lý Hoài Tân 2017.

người nông dân là nhân tố quan trọng nhất đóng vai trò quyết định đến sự thành bại của mô hình.

2.3. Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại Thái Lan

Ngành công nghiệp chế biến nông sản xuất khẩu đã trở thành mũi nhọn quan trọng trong phát triển nông nghiệp tại Thái Lan, góp phần đưa Thái Lan vào danh sách những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu trên thế giới. Riêng đối với ngành hàng sản xuất trái cây, Thái Lan là một trong những nước sản xuất trái cây nhiệt đới chính ở khu vực Đông Nam Á. Năm 2015, Thái Lan có 1,9 triệu hộ gia đình tham gia sản xuất trái cây, chiếm 30% tổng số hộ nông dân trong cả nước, với tổng diện tích trồng trọt là 1,31 triệu ha, sản lượng bình quân 7,5 triệu tấn/năm và tổng giá trị đạt được 2.823 triệu USD (Lop Phavaphutanon 2015).

Để có được các sản phẩm nông nghiệp nói chung và sản phẩm trái cây nói riêng phong phú, có chất lượng tốt, đồng thời tạo vị thế riêng trên thị trường thế giới, Thái Lan đã thực hiện nhiều chính sách nhằm xây dựng thương hiệu nông sản quốc gia. Một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu là nghiên cứu, phát triển những loại giống cho năng suất cao, nông sản sạch và chất lượng, theo lộ trình phát triển bền vững.

Chính sách ưu tiên về giống đã sớm được quan tâm bởi cả nhà nước và khu vực tư nhân. Các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học được khuyến khích để phát triển giống, thông qua việc hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa sản phẩm và bảo vệ sở hữu trí tuệ của chính phủ. Trung tâm Nghiên cứu Quốc gia (DOR) chịu trách nhiệm về việc cải thiện di truyền và sản xuất giống nguyên chủng, trong khi các trung tâm giống công cộng sản xuất hạt giống để nhân rộng và ký hợp đồng với nông dân gieo hạt giống trên diện rộng và hạt giống đã đăng ký. Các DOR còn có nhiệm vụ giúp nông dân thành lập các "Trung tâm giống cộng đồng" để sản xuất hạt giống thương mại.

Ngoài ra, các chính sách nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nông sản cũng được Thái Lan thực hiện triệt để. Hàng hóa nông sản phải được đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu trồng trọt đến khâu đóng gói. Từ năm 2006, Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan dựa trên nguyên tắc

cơ bản của GlobalGAP đã xây dựng và đưa ra chương trình ThaiGAP để đảm bảo cung ứng cho thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, các sản phẩm trái cây an toàn, có thể truy nguyên nguồn gốc. Chính phủ Thái Lan cũng có chính sách ưu tiên trong việc xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm trái cây chủ lực như: nhãn, sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, xoài... Chính bởi tiêu chuẩn chất lượng cao mà các sản phẩm nông sản của Thái Lan đã dễ dàng mở rộng thị trường xuất khẩu sang các quốc gia Châu Âu và Châu Mỹ, đồng thời tích cực thâm nhập vào thị trường các nước láng giềng như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và khối Asian (Lop Phavaphutanon 2015).

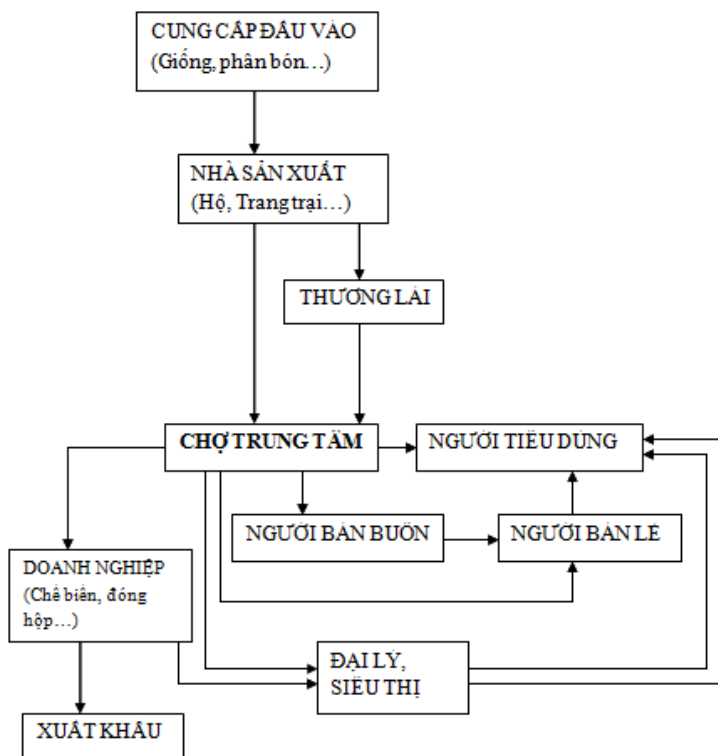
Bí quyết thành công của Thái Lan là xây dựng chuẩn các phương thức canh tác với công nghệ và kỹ thuật canh tác đặc thù cho từng vùng sản xuất có điều kiện tự nhiên khác nhau, nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu của sản xuất nông sản theo vùng.

Phương pháp canh tác để tăng năng suất và sản xuất bền vững là đẩy mạnh ứng dụng những công nghệ và kỹ thuật hiện đại, đồng thời kết hợp kinh nghiệm truyền thống. Quá trình hữu cơ hóa đất nông nghiệp thông qua sử dụng các loại phân bón hữu cơ, phân vi sinh và thuốc trừ sâu sinh học đã giúp nước này cải tạo đất thoái hóa và nâng cao độ màu mỡ, nhờ đó sử dụng quỹ đất hiệu quả, giảm nhập khẩu phân bón và tăng xuất khẩu nông sản hữu cơ sạch.

Thái Lan cũng đi trước nhiều nước trong phát triển hệ thống sau thu hoạch, trong đó có hệ thống kho tàng, vận chuyển nông sản. Để phục vụ xuất khẩu mạnh sang các nước phương Tây, chính phủ Thái Lan đã khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp xây các kho chứa ở quốc gia có vị trí địa lý trung tâm, thuận tiện xuất khẩu đi các nước lân cận hoặc có thể xuất ngay tại nước đó. Bên cạnh đó, Thái Lan còn đầu tư rất mạnh cho công nghệ phơi sấy và bảo quản, chế biến phế phụ phẩm, đẩy mạnh phát triển công nghệ và các ngành công nghiệp ăn theo.

Về tiêu thụ sản phẩm, để thuận tiện cho việc xuất khẩu và tiếp thị trái cây hiệu quả hơn, Chính phủ Thái Lan đã phát triển chính sách dịch vụ “một cửa” thông qua việc cung cấp các sản phẩm trái cây ở một chợ trung tâm. Các chợ trung tâm có thể được thiết lập bởi cơ quan chính phủ hoặc các nhà kinh doanh, nhưng thường nằm trong khu vực sản xuất chính. Chợ trung tâm của Chính phủ được thành lập bởi các cơ quan nhà nước như Ngân hàng Nông nghiệp và Hợp tác xã Nông nghiệp (BAAC) và Cơ quan Khuyến nông của Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã. Bộ Thương mại Thái Lan hỗ trợ sắp xếp và quản lý các chợ trung tâm của Nhà nước và chợ trung tâm của tư nhân. Từ các chợ trung tâm này, các kênh tiêu thụ trái cây được hình thành để phân phối trong nước và xuất khẩu. Ở cấp quốc gia, Chính phủ Thái Lan còn thành lập “Hội đồng Thương mại về trái cây

Hình 3. Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại Thái Lan



Nguồn: Nguyễn Thị Vân, Đỗ Lý Hoài Tân 2017.

Thái Lan” để kiểm soát và điều phối các vấn đề chung cho thương hiệu trái cây như marketing, xây dựng thương hiệu... Điều này giúp đẩy mạnh truyền thông một cách đồng bộ các chủng loại trái cây nổi trội của Thái Lan.

Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại Thái Lan cho thấy những chính sách của Chính phủ chú trọng xây dựng thương hiệu quốc gia cho một số sản phẩm trái cây chủ lực. Chính sách dịch vụ “một cửa” thông qua việc cung cấp các sản phẩm trái cây ở một chợ trung tâm đóng vai trò quan trọng tạo nên thành công của mô hình.

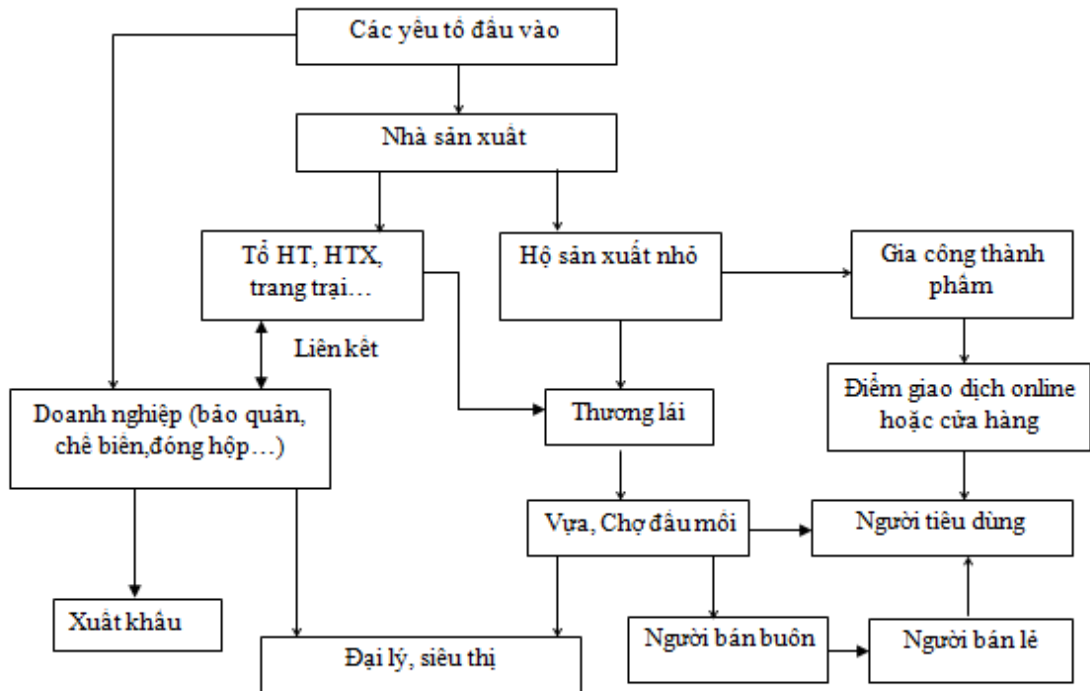
3. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

3.1. Bài học kinh nghiệm

Kinh nghiệm từ Chile, Nhật Bản và Thái Lan đã phản ánh rõ nét tầm quan trọng của Chính phủ trong sự phát triển nông nghiệp quốc gia. Những chính sách cụ thể, phù hợp cùng với cách thức quản lý chặt chẽ, rõ ràng, hiệu quả của ban ngành các cấp đã tạo điều kiện cho quá trình sản xuất và tiêu thụ trái cây đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó, chú trọng đầu tư để nghiên cứu tạo ra những giống mới, tạo ra những sản phẩm chủ lực, nổi tiếng có chất lượng cao, đồng thời ứng dụng khoa học kỹ thuật một cách đồng bộ, phù hợp với từng kiểu địa hình, loại đất, diện tích canh tác cũng là những yếu tố đem lại hiệu quả trong việc phát triển các loại trái cây mang thương hiệu quốc gia.

Các tổ chức, hiệp hội, hợp tác xã có vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ người dân tiếp cận với công nghệ, trang thiết bị tiên tiến để tăng năng suất, đồng thời như một cầu nối để mọi nông dân có thể chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, mở rộng mối hợp tác, liên kết với các đối tượng trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, với mục tiêu phát triển hiệu quả và bền vững. Ngoài ra, trình độ nhận thức, kỹ năng làm việc cũng như ý thức của người nông dân trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ

Hình 4. Mô hình đề xuất về sản xuất và tiêu thụ trái cây tại Việt Nam



Nguồn: Nguyễn Thị Vân, Đỗ Lý Hoài Tân 2017.

sản phẩm nông nghiệp của mình làm ra (điển hình là người nông dân Nhật Bản) cũng là những bài học quý mà nông dân Việt Nam cần học hỏi.

Từ bài học kinh nghiệm được rút ra ở trên, chúng tôi đề xuất mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây cho Việt Nam như sau:

Trong mô hình này, các yếu tố đầu vào cho đến đầu ra đều được kiểm soát, giám sát chặt chẽ bởi Chính phủ cũng như ban ngành các cấp. Nhóm sản xuất lớn (bao gồm các trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác...), sẽ thực hiện mô hình liên kết với các doanh nghiệp theo các dạng liên kết khác nhau và theo quy chuẩn cụ thể. Hàng hóa sản xuất ra chủ yếu phục vụ xuất khẩu và cung cấp cho nhà phân phối

lớn như siêu thị, đại lý... đến người tiêu dùng. Những sản phẩm của nhà sản xuất lớn sản xuất ra nếu chưa đáp ứng quy cách, tiêu chuẩn chất lượng cao sẽ được thương lái thu gom và cung cấp cho các vựa, chợ đầu mối, người bán buôn, bán lẻ và đến tay người tiêu dùng.

Đối với những hộ sản xuất nhỏ không tham gia liên kết với doanh nghiệp thì bên cạnh việc bán các sản phẩm của mình cho thương lái, họ có thể chế biến, gia công thành phẩm ngay tại nhà, sau đó bán sản phẩm do chính mình sản xuất ra. Điểm bán hàng có thể là bán online, bán ngay tại nhà hoặc ngay tại địa phương mình. Đó là cách để người nông dân nâng cao được năng lực quản lý, điều hành

cũng như tăng thu nhập từ chính sản phẩm mình làm ra.

3.2. Một số gợi ý chính sách cho Việt Nam

Từ một số mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây hiệu quả trên thế giới, bài viết đưa ra một số gợi ý chính sách và giải pháp phát triển cho ngành hàng sản xuất trái cây của Việt Nam như sau:

Một là, Nhà nước xác định lại các mặt hàng trái cây chủ lực và có lợi thế cạnh tranh để tập trung đầu tư phát triển trọng điểm, nghiên cứu phát triển một số loại trái cây đặc sản nổi tiếng mang thương hiệu quốc gia; chú trọng nghiên cứu những loại giống mới cho năng suất và chất lượng tốt, đưa ra một quy trình kiểm tra nghiêm ngặt đối với các đầu mối cung cấp hạt giống quy mô lớn để đảm bảo cung cấp giống tốt cho nông dân, đồng thời ngăn ngừa một lượng lớn giống chất lượng thấp tràn ra thị trường; đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật có chọn lọc, phù hợp với định hướng phát triển loại hình nông sản cụ thể và trên các vùng đất, các diện tích cụ thể; tích cực khuyến khích nông dân phát huy tài nguyên con người và áp dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, từ đó tăng khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế.

Hai là, Nhà nước cần phải ban hành những chính sách bảo hộ và hỗ trợ hợp lý. Chính sách hỗ trợ cần dựa trên quan điểm “hãy cho con cá” để giảm sự phụ thuộc cũng

như tăng động lực sáng tạo cho nông dân. Bên cạnh đó, khuyến khích và hỗ trợ những hộ dân sản xuất quy mô nhỏ có thể tổ chức thực hiện gia công và chế biến thành phẩm ngay sau thu hoạch tại hộ gia đình. Các tổ chức, hợp tác xã, hiệp hội ngoài việc hỗ trợ người dân về mặt kỹ thuật, liên kết mạng lưới đầu vào - đầu ra, cần hỗ trợ người dân tiếp cận với các kênh bán hàng trực tiếp bên ngoài, bán hàng online, tạo sự đa dạng trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trái cây cho người dân.

Ba là, Nhà nước cần có chính sách hợp lý trong quy hoạch xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất trái cây tập trung, gắn với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp. Những hộ sản xuất nhỏ, không nằm trong vùng sản xuất tập trung cần có những chính sách hỗ trợ riêng để phát triển. Tại các địa phương cần tập trung đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ khâu bảo quản, chế biến trái cây theo hướng sơ chế tại chỗ, tinh chế tập trung với các quy mô và trình độ thích hợp, trong đó coi trọng quy mô vừa và nhỏ. Việc phát triển ngành công nghiệp chế biến và phế phụ phẩm có vai trò quan trọng làm giảm tỷ lệ hao hụt, tăng giá trị nông sản, đáp ứng mục tiêu phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu theo hướng hạn chế tối đa xuất khẩu sản phẩm dưới dạng thô và sơ chế giá rẻ.

Bốn là, Chính phủ cũng như chính quyền các cấp cần tuyên truyền, vận

động người dân tham gia sản xuất trái cây theo tiêu chuẩn sạch, an toàn, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của thị trường thế giới. Không chỉ tạo điều kiện và khuyến khích phát triển hợp tác xã, các tổ chức, hiệp hội, mà còn cần đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức này, nhằm thực sự hỗ trợ cho nông dân kiến thức, kỹ năng sản xuất, kỹ năng quản lý, trở

thành đầu mối liên kết giữa các bên trong chuỗi giá trị và nắm bắt thị trường trong thời kỳ hội nhập.

Nhằm là, các cơ quan quản lý và các ban ngành cần xem xét điều chỉnh lại những quy định cho phù hợp để thực hiện hiệu quả việc liên kết giữa các bên và chuỗi giá trị từ yếu tố đầu vào đến đầu ra. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Berdegué, J.A; Balsevich, F; Flores, L. 2005. "Central American Supermarkets' Private Standards of Quality and Safety in Procurement of Fresh Fruits and Vegetables". *Food Policy*. 30(3).
2. Bleed, P. and Matsui, A. 2010. "Why didn't Agriculture Develop in Japan? A Consideration of Jomon Ecological Style, Niche Construction, and the Origins of Domestication". *Journal of Archeological Method Theory*. 17.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2012. "Chiến lược phát triển nông nghiệp - nông thôn giai đoạn 2011-2020". Truy cập ngày 17/4/2017 tại: <http://vukehoach.mard.gov.vn/Default.aspx?baocaochienluoc>.
4. Fundación Chile. 2001. *National Diagnosis of the Sector Berries and Workshop of Strategic Planning of the Sector*. Santiago de Chile: Fundación Chile.
5. Hồng Vũ. 2016. "Xuất khẩu trái cây Việt Nam: tiềm năng lớn nhưng cũng không ít rào cản". Truy cập ngày 14/4/2017 tại: <http://vietnambiz.vn/xuat-khau-trai-cay-viet-nam-tiem-nang-lon-nhung-cung-khong-it-rao-can-3992.html>
6. Humphrey, J. and Schmitz, H. 2001. "Governance in Global Value Chains". *IDS Bulletin*. 32 (3).
7. INE. 1997. *Agricultural Census 1997*. Santiago: National Statistical Institute of Chile.
8. Konig, A. 2006. "Governance of Food Safety in the European Union". *Global Governance of Food and Agriculture Industries: Transatlantic Regulatory Harmonization and Multilateral Policy Cooperation for Food Safety*. ed. R.A. Carruth. Cheltenham: Edward Elgar.
9. Lop Phavaphutanon. 2015. *Fruit production, marketing and research and Development System in Thailand*. Food and Fertilizer Technology Center.
10. Naidoo, J. 2013. "Small Scale Farming: Simple, successful, sustainable". Truy cập ngày 15/4/2017 tại: http://www.huffingtonpost.com/jayaseelan-naidoo/small-scale-farming_b_3424611.html
11. OECD. 2016. "Agricultural Policy - Agricultural Support". Truy cập ngày 15/4/2017 tại: <https://data.oecd.org/agrpolicy/agricultural-support.htm>
12. Skogstad, G. and Carruth, R.A. 2006. "Governance of Food Safety in the NAFTA Region: Regulatory Cooperation by the United States, Canada and Mexico". *Global Governance of Food and Agriculture Industries: Transatlantic Regulatory Harmonization and Multilateral Policy Cooperation for Food Safety*. ed. R.A. Carruth. Cheltenham: Edward Elgar.

13. Việt Quân. 2015. “Một số chính sách của Nhật Bản đối với nông dân và kinh nghiệm có thể tham khảo cho Việt Nam”. Truy cập ngày 19/7/2017 tại: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2015/32405/Mot-so-chinh-sach-cua-Nhat-Ban-doi-voi-nong-dan-va.aspx>.